

(Đề thi có 4 trang)

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

Mã đề thi 817

Câu 41. Công nghiệp luyện kim thuộc nhóm ngành

- A. công nghiệp khai thác. B. công nghiệp tiêu dùng.
C. công nghiệp chế biến. D. công nghiệp trọng điểm.

Câu 42. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết vùng Duyên hải Nam Trung Bộ trồng nhiều cây hàng năm nào sau đây?

- A. Lạc, đậu tương. B. Thuốc lá, ngô. C. Mía, ngô. D. Lạc, mía.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm công nghiệp nào sau đây thuộc Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Phúc Yên. B. Hải Phòng. C. Cẩm Phả. D. Bắc Ninh.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, nhà máy nhiệt điện lớn nhất miền Bắc là

- A. Phả Lại. B. Na Dương. C. Uông Bí. D. Ninh Bình.

Câu 45. Thiên tai bất thường và gây hậu quả nghiêm trọng ở nước ta là

- A. ngập lụt. B. hạn hán. C. lũ quét. D. bão biển.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết cảng Vũng Áng thuộc tỉnh nào?

- A. Quảng Trị. B. Nghệ An. C. Quảng Bình. D. Hà Tĩnh.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết đô thị nào sau đây là đô thị loại 3?

- A. Đà Lạt. B. An Khê. C. Pleiku. D. Buôn Mê Thuột

Câu 48. Ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta hiện nay là

- A. điện lực. B. đóng tàu. C. khai khoáng. D. luyện kim.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, tỉnh có diện tích lớn nhất cả nước là

- A. Đắk Lắk. B. Nghệ An. C. Quảng Nam. D. Gia Lai.

Câu 50. Cho bảng số liệu:

TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA THÁI LAN VÀ VIỆT NAM,
GIAI ĐOẠN 2015 - 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2018	2019	2020
Thái Lan	401,2	506,6	544,3	501,6
Việt Nam	239,4	281,3	334,3	346,6

(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng về tổng sản phẩm trong nước theo giá hiện hành của Thái Lan và Việt Nam, giai đoạn 2015 - 2020?

- A. Việt Nam tăng và Thái Lan giảm. B. Việt Nam tăng ít hơn Thái Lan.
C. Thái Lan tăng và Việt Nam giảm. D. Việt Nam tăng nhanh hơn Thái Lan.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ, cho biết cao nguyên nào sau đây cao nhất?

- A. Kon Tum. B. Di Linh. C. Lâm Viên. D. Mơ Nông.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có diện tích trồng lúa lớn nhất?

- A. Hải Dương. B. Hưng Yên. C. Hà Nội. D. Bắc Ninh.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết từ Thái Nguyên lên Bắc Cạn đi qua quốc lộ nào sau đây?

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 4B.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết tỉnh nào sau đây ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long có khu kinh tế ven biển?

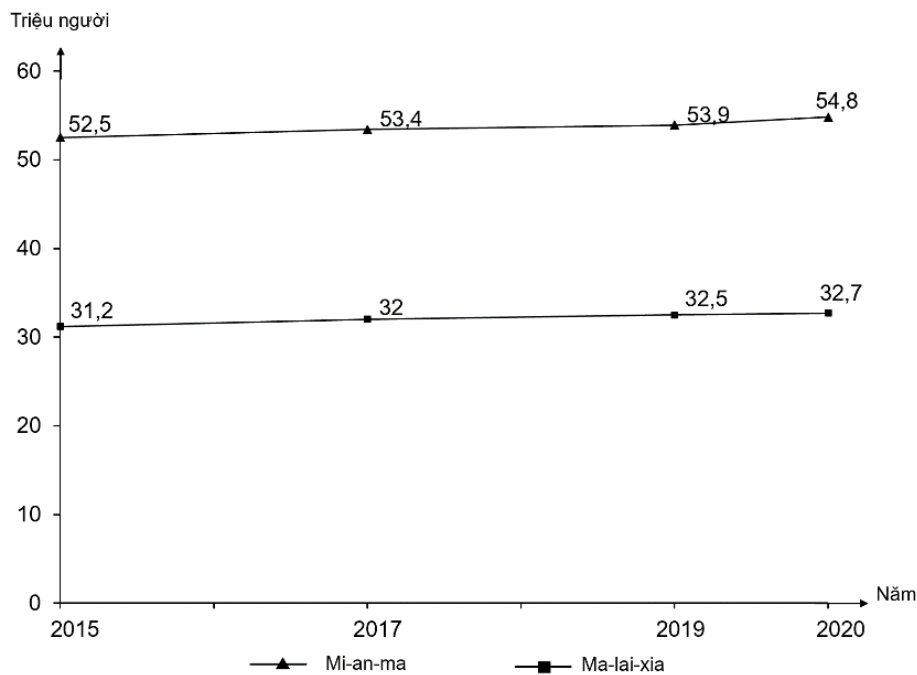
- A. Trà Vinh. B. Bạc Liêu. C. Tiền Giang. D. Bến Tre.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết than bùn có ở tỉnh nào sau đây?

- A. Sóc Trăng. B. Cần Thơ. C. Kiên Giang. D. Tiền Giang.

Câu 56. Cho biểu đồ:

SỐ DÂN CỦA MI-AN-MA VÀ MA-LAI-XI-A, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020



(Số liệu theo niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về gia tăng dân số của hai quốc gia trên?

- A. Ma-lai-xi-a giảm, Mi-an-ma tăng. B. Mi-an-ma tăng nhưng biến động nhẹ.
C. Mi-an-ma giảm, Ma-lai-xi-a tăng. D. Mi-an-ma tăng nhiều hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 57. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết tỉnh nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất?

- A. Quảng Ninh. B. Bắc Cạn. C. Hà Giang. D. Lào Cai.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết trạm khí tượng nào sau đây có lượng mưa cao nhất vào tháng 10?

- A. Đồng Hới. B. Lạng Sơn. C. Điện Biên Phủ. D. Hà Nội.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết ở Thiên Cầm có loại hình du lịch nào sau đây?

- A. Thắng cảnh. B. Du lịch biển. C. Hang động. D. Vườn quốc gia.

Câu 60. Đông Nam Bộ có địa danh du lịch biển nổi tiếng là

- A. Nha Trang. B. Mũi Né. C. Cam Ranh. D. Vũng Tàu.

Câu 61. Biện pháp để bảo vệ rừng phòng hộ ở nước ta là

- A. chống ô nhiễm đất mặn. B. mở rộng vườn quốc gia.
C. xây công trình đê biển. D. nuôi dưỡng rừng ngập mặn.

Câu 62. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, sông Bến Hải thuộc hệ thống sông nào sau đây?

- A. Sông Mã. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Ba. D. Sông Cả.

Câu 63. Việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo của nước ta hiện nay đang phát triển theo xu hướng

- A. đẩy mạnh đánh bắt loài quý hiếm.
- B. chưa gắn với bảo vệ môi trường.
- C. cấm khai thác thủy sản ven bờ.
- D. khuyến khích đánh bắt xa bờ.

Câu 64. Thuận lợi chủ yếu để phát triển ngành chăn nuôi ở nước ta hiện nay là

- A. giống vật nuôi nhập khẩu đa dạng.
- B. ứng dụng phổ biến công nghệ gen.
- C. dịch vụ thú y ngày càng phát triển.
- D. nguồn cung cấp thức ăn phong phú.

Câu 65. Phát biểu nào sau đây đúng về giao thông đường biển nước ta?

- A. Tỉ trọng khối lượng hàng vận chuyển lớn nhất.
- B. Toàn bộ cảng biển đều vận chuyển quốc tế.
- C. Tất cả các tỉnh ven biển có cảng nước sâu.
- D. Có điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển.

Câu 66. Lãnh thổ nước ta trải dài qua nhiều vĩ tuyến nên có

- A. khoáng sản phong phú.
- B. sông ngòi dày đặc.
- C. khí hậu đa dạng.
- D. tổng bức xạ lớn.

Câu 67. Ở nước ta hiện nay, tình trạng thất nghiệp

- A. phần lớn đã được giải quyết ở đồng bằng.
- B. chủ yếu do nghề nông mang tính mùa vụ.
- C. có tỉ lệ cao hơn nhiều tỉ lệ thiếu việc làm.
- D. ở khu vực thành thị nhiều hơn nông thôn.

Câu 68. Cơ cấu theo thành phần kinh tế ở nước ta hiện nay chuyển dịch theo xu hướng nào sau đây?

- A. Khu vực ngoài Nhà nước tỉ trọng nhỏ, đang giảm.
- B. Tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp và dịch vụ.
- C. Phát triển nhiều khu kinh tế ven biển, khu chế xuất.
- D. Tăng nhanh khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Câu 69. Đô thị hóa ở nước ta hiện nay

- A. phát triển mạnh ở các tỉnh phía Tây.
- B. tăng về số lượng và quy mô đô thị.
- C. hoàn toàn gắn với công nghiệp hóa.
- D. thu hẹp dần sự phân hóa giàu nghèo.

Câu 70. Sản xuất lúa ở nước ta hiện nay

- A. trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Hồng.
- B. sử dụng ít giống cho năng suất cao.
- C. chưa theo hướng nông nghiệp hiện đại.
- D. áp dụng nhiều biện pháp thâm canh.

Câu 71. Mục đích chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. khai thác hiệu quả thế mạnh, tăng trưởng kinh tế, phát triển bền vững.
- B. khắc phục hạn chế, thay đổi phân công lao động, giải quyết việc làm.
- C. tận dụng nguồn tài nguyên, đẩy nhanh đô thị hóa, phân bố lại dân cư.
- D. đáp ứng xu thế hội nhập, nâng cao mức sống, tận dụng các nguồn lực.

Câu 72. Huế có lượng mưa lớn nhất cả nước chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. vị trí địa lí, địa hình, gió mùa, bão, dải hội tụ nhiệt đới.
- B. vĩ độ, hoàn lưu khí quyển, dải hội tụ nhiệt đới, địa hình.
- C. vị trí, độ cao địa hình, hướng núi, gió mùa hạ, dòng biển.
- D. biển Đông, gió mùa, áp thấp nhiệt đới, độ cao địa hình.

Câu 73. Giải pháp chủ yếu để tăng giá trị sản xuất cây cà phê ở Tây Nguyên là

- A. nâng cao chất lượng đất, phát triển thủy lợi, sử dụng giống cao sản.
- B. phát triển công nghiệp chế biến, tạo thương hiệu, mở rộng xuất khẩu.
- C. mở rộng diện tích, thu hút đầu tư nước ngoài, áp dụng công nghệ cao.
- D. phát triển vùng chuyên canh, đào tạo lao động, mở rộng thị trường.

Câu 74. Giải pháp quan trọng để phát triển giao thông biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. phát triển các dịch vụ cảng biển, đa dạng hoạt động xuất nhập khẩu.
- B. chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây cảng mới, phát triển công nghiệp.
- C. xây dựng khu chế xuất, chú trọng du lịch, bảo vệ môi trường biển.
- D. thu hút đầu tư, tăng cường cơ sở hạ tầng, phát triển nền kinh tế mở.

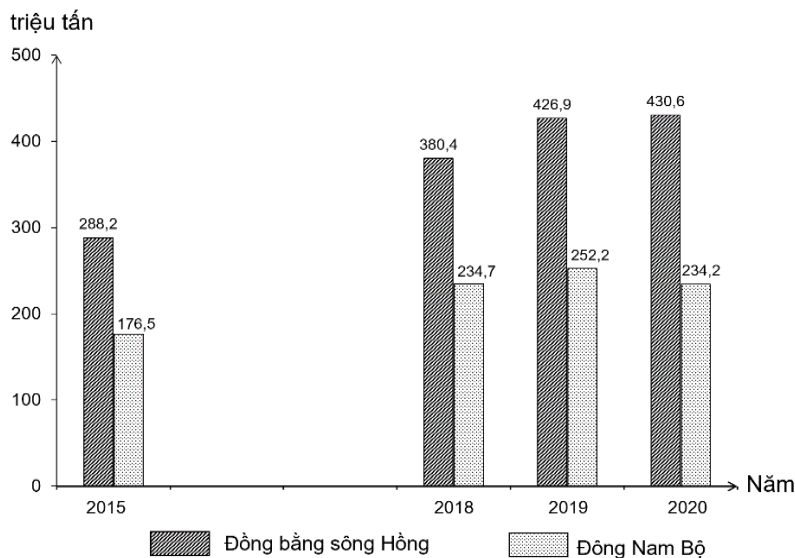
Câu 75. Ý nghĩa chủ yếu của việc nâng cao hiệu quả ngành trồng trọt ở các đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. tận dụng tài nguyên, sử dụng hợp lí lao động, tăng giá trị nông sản.
- B. tạo nông sản hàng hóa, đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng thu nhập.
- C. khai thác thế mạnh, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cải thiện mức sống.
- D. phân hóa lãnh thổ, đa dạng kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm.

Câu 76. Giá trị nhập khẩu nước ta hiện nay tăng chủ yếu do

- A. xuất khẩu mở rộng, đáp ứng nhu cầu hiện đại hóa.
- B. thị trường tiêu dùng đa dạng, hàng hóa phong phú.
- C. nhu cầu tiêu dùng cao, thị trường được mở rộng.
- D. sản xuất phát triển, chất lượng cuộc sống tăng.

Câu 77. Cho biểu đồ về khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ của Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ, giai đoạn 2015 - 2020



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Chuyển dịch cơ cấu khối lượng.
- B. Cơ cấu khối lượng.
- C. Quy mô khối lượng.
- D. Tốc độ tăng khối lượng.

Câu 78. Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2015 - 2020

Năm	2015	2017	2019	2020
Số dân thành thị (triệu người)	30,9	31,9	33,8	35,9
Tỉ lệ dân thành thị (%)	33,5	33,8	35,0	36,8

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Theo bảng số liệu, để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của nước ta giai đoạn 2015 - 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Đường.
- C. Cột.
- D. Tròn.

Câu 79. Ý nghĩa chủ yếu của việc đẩy mạnh du lịch biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế, khai thác lợi thế tự nhiên, tạo động lực vùng.
- B. phát huy nguồn lực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng vị thế vùng.
- C. thu hút đầu tư, tăng cường sự phân hóa lãnh thổ, cải thiện đời sống.
- D. tận dụng thế mạnh, tạo nhiều việc làm mới, đáp ứng nhu cầu du khách.

Câu 80. Tác động chủ yếu của biến đổi khí hậu đến Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. mùa khô kéo dài, sạt lở bờ biển tăng mạnh.
- B. xâm nhập mặn, thiếu nước ngọt vào mùa khô.
- C. triều cường tăng, môi trường biển bị ô nhiễm.
- D. rừng ngập mặn giảm, diện tích đất phèn tăng.

----- HẾT -----

Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.

Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.